

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
GIA CÔNG HÀNG HÓA**

Số: ... /2024/BIA HNP-HHP

- Căn cứ Luật thương mại năm 2006 và văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại Văn phòng Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng, số 85 Lê Duẩn, Kiến An, thành phố Hải Phòng, chúng tôi gồm có :

1. BÊN ĐẶT GIA CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Đại diện : Ông **TRẦN VĂN TRUNG**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 16 Đường Lạch Tray, phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, HP
Điện thoại : 02253 847004 Fax :02253 845157
Mã số thuế : 0200153370
Tài khoản số : 17907469 tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

2. BÊN NHẬN GIA CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO - HẢI PHÒNG

Đại diện : Ông **NGUYỄN HOÀNG GIANG**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (0225) 3667.163
Mã số thuế : 0200761964
Tài khoản số : 20182868 tại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank) chi nhánh Hải Phòng hoặc tài khoản 883704060001751 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sở giao dịch hoặc tài khoản 110602416888 tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng gia công này với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1.1. Bên A đặt hàng và Bên B đồng ý nhận gia công sản xuất sản phẩm theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

1.2. Bên A cung cấp các tài liệu liên quan đến quá trình sản xuất, cấp men giống cho bên B và kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hải Phòng tại bên B (chi tiết tại phụ lục số 01 của Hợp đồng này).

1.3. Bên B tổ chức sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của bên A (chi tiết theo phụ lục số 01 của Hợp đồng này) tại địa chỉ Bên B: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

1.4. Nguyên liệu, vật liệu sản xuất

1.4.1. Bên B tự mua các nguyên liệu chính mang tính chất quyết định đến chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật và xuất xứ hàng hóa theo tiêu chuẩn sản xuất bia lon do Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng ban hành, bao gồm: Malt (Úc/Châu Âu), gạo, cao hoa; hoa Đức.

1.4.2. Bên A cung cấp hoặc ủy quyền cho bên B mua các vật liệu mang nhãn hiệu hàng hóa độc quyền của bên A, bao gồm: vỏ lon.

1.4.3. Bên A cung cấp và xuất hóa đơn bằng giá nhập của Bên A để làm căn cứ đưa vào giá thành đối với một số nguyên vật liệu, hàng hóa độc quyền, bao gồm: Hộp giấy, Hoa Saaz, một số phụ gia khác

1.5. Bên B giao toàn bộ số lượng sản phẩm đã sản xuất theo đơn đặt hàng cho Bên A sau khi sản phẩm được Bên A kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo thỏa thuận.

ĐIỀU 2: TÊN SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG, SỐ LƯỢNG VÀ THỜI GIAN SẢN XUẤT

2.1. Tên sản phẩm: **Bia lon Hải Phòng**

2.2. Nhãn hiệu hàng hóa: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 40329068000 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 04/9/2019.

2.3. Chất lượng:

- Theo bản tự công bố tiêu chuẩn sản phẩm số 10/BHN-HP/2022 của Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng ban hành.

- Theo Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số 50/2016/YTHP-TNCB của Sở Y tế Hải Phòng.

- Quy cách đóng gói: 24 lon/thùng, 330 ml/lon

2.4. Số lượng: Theo từng đơn đặt hàng nhưng phải phù hợp dung tích mẻ nấu 24.000 lít/mẻ. Bên A sẽ căn cứ số lượng thực tế sản phẩm để thanh, quyết toán hợp đồng.

2.5. Thời gian sản xuất: theo thỏa thuận của hai bên tại mỗi đơn đặt hàng.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ - SỐ LƯỢNG

3.1. **Số lượng, đơn giá gia công:** Căn cứ công văn xác nhận đặt hàng từng đợt gia công của Bên A

- Đơn giá trên là đơn giá đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế VAT Bên B phải nộp theo quy định hiện hành của nhà nước. Căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được bên A thông báo bằng văn bản cho bên B tại từng thời điểm.

- Giá trên bao gồm chi phí công sản xuất, nguyên liệu, vật tư sản xuất.

3.2. Khi có sự thay đổi về giá cả theo đề xuất của một bên, hai bên sẽ tiến hành bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 4: THANH TOÁN

4.1. Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi:

- Bên B giao đầy đủ và đúng chất lượng sản phẩm theo đơn đặt hàng của Bên A và các nguyên liệu, vật liệu sản xuất còn dư trả lại cho Bên A (nếu có).

- Đồng thời, Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:

+ Hóa đơn GTGT hợp lệ

+ Biên bản giao nhận bia thành phẩm và các nguyên liệu, vật liệu sản xuất còn dư (nếu có)

- Hai bên sẽ tiến hành đối chiếu bù trừ các khoản thanh toán khác (nếu có) và lập Biên bản đối chiếu bù trừ công nợ. Giá trị còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B.

4.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng VNĐ

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN NGUYÊN VẬT LIỆU, THÀNH PHẨM

5.1. Địa điểm giao nhận nguyên vật liệu sản xuất và thành phẩm: tại kho của bên B

5.2. Phương thức giao nhận:

5.2.1. Nguyên tắc chung:

- Hai bên trực tiếp thực hiện giao nhận hàng hóa. Nếu một trong hai bên thuê vận chuyển bên thứ 3 thì phải có giấy ủy quyền hoặc Hợp đồng vận chuyển.

- Việc giao nhận hàng hóa trên cơ sở thỏa thuận tại đơn đặt hàng, hoặc các văn bản đã được xác nhận giữa 2 bên và được xác lập bằng các chứng từ, thủ tục theo quy định. Các bên tạo điều kiện giao nhận hàng hóa được nhanh chóng và đảm bảo các yêu cầu theo quy định.

- Việc giao nhận phải được hai bên lập thành biên bản bàn giao có xác nhận đại diện hai bên.

- Khi nhận hàng hóa nếu phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, số lượng, chất lượng thể hiện trên hóa đơn (đối với vật tư) hoặc chứng từ giao nhận (đối với sản phẩm) thì bên nhận hàng phải tiến hành lập biên bản thông báo cho bên giao hàng trong khoảng thời gian 02 giờ bằng hình thức điện thoại hoặc fax. Sau 24h kể từ lúc kết thúc giao nhận, bên nhận hàng không có ý kiến gì hoặc không có thông báo gì thì coi như việc giao nhận hoàn tất.

5.2.2. Thủ tục giao nhận:

a) Đối với sản phẩm:

- Bên A tổ chức kiểm tra sản phẩm của lô hàng (theo quy định tại phụ lục 1). Căn cứ kết quả kiểm tra được ghi trong “Phiếu kiểm tra chất lượng bia thành phẩm” của lô hàng, bên A gửi bên B kết quả “Phiếu kiểm tra chất lượng bia thành phẩm” của lô hàng bằng Fax để bên B có căn cứ giao hàng.

- Bên B giao hàng cho bên A lô hàng được ghi trong “Phiếu kiểm tra chất lượng bia thành phẩm” do bên A cung cấp, đồng thời phát hành hóa đơn giá trị gia tăng đúng với số lượng đã giao.

- Bên A căn cứ hóa đơn GTGT của bên B và lượng bia thành phẩm thực tế để làm thủ tục nhập kho bên A.

b) Đối với nguyên vật liệu giao phục vụ sản xuất

Sau khi nhận được thông báo của bên A về số lượng hàng hóa cần giao. Bên B tổ chức nhận hàng hóa và làm các thủ tục cần thiết để nhập kho (kiểm tra, so sánh với các yêu cầu kỹ thuật, ghi phiếu giao nhận, hóa đơn chứng từ liên quan, lưu hồ sơ,...). Nếu có vấn đề gì yêu cầu bên B thông báo ngay cho bên A (bằng điện thoại hoặc bằng Fax).

c) Đối với nguyên vật liệu còn thừa (nếu có)

Bên B lập bảng kê chi tiết nguyên vật liệu còn thừa, thông báo cho Bên A và giao hàng cùng thời điểm với hàng thành phẩm

5.3. Chi phí bốc xếp: Mỗi bên chịu một đầu. Cụ thể: Bên A chịu chi phí bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm lên xuống phương tiện vận chuyển tại kho của bên A; Bên B chịu chi phí bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm lên xuống phương tiện vận chuyển tại kho bên B.

5.4. Chi phí vận chuyển: Bên A chịu

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

6.1.1. Thông báo cho bên B kế hoạch sản xuất hàng tháng trước 15 ngày của tháng trước hoặc điều chỉnh tăng, giảm số lượng sản phẩm ghi tại Điều 2 của Hợp đồng này. Thực hiện việc điều hành sản xuất và điều hành vận chuyển bia thành phẩm/vỏ lon, vỏ hộp hàng ngày.

6.1.2. Đăng ký và thông báo đến cơ quan chức năng về việc lưu hành sản phẩm sản xuất tại cơ sở của bên B theo đúng quy định của Nhà nước.

6.1.3. Cử nhân viên đến làm việc tại Bên B để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng bia Hải Phòng. Bên B tạo điều kiện để nhân viên giám sát bên A hoàn thành nhiệm vụ.

6.1.4. Nhận toàn bộ số lượng sản phẩm đã kiểm nghiệm đạt chất lượng do bên B sản xuất ra ghi tại điều 2 của Hợp đồng này hoặc các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có). Thời hạn trả kết quả kiểm nghiệm không muộn hơn 48 tiếng kể từ khi bên A nhận được mẫu từ bên B (trừ ngày lễ). Thời hạn nhận hết hàng theo đơn đặt hàng không quá 2 tuần (14 ngày) kể từ khi có kết quả kiểm nghiệm đạt.

6.1.5. Thanh toán công nợ theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này.

6.1.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và Phụ lục kèm theo.

6.2. Trách nhiệm Bên B:

6.2.1. Tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ và các yêu cầu bảo mật công nghệ được ghi tại phụ lục số 01 của Hợp đồng này;

6.2.2. Bảo quản bia thành phẩm, nguyên liệu trong kho theo tiêu chuẩn của bên A quy định về điều kiện nhà kho lưu trữ nguyên phụ liệu và bia thành phẩm. Thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm mang thương hiệu bia Hải Phòng (theo các thủ tục đã được xác lập tại 2 Công ty, lưu hồ sơ các quá trình kiểm soát chất lượng).

6.2.3. Thông báo cho bên A việc không đảm bảo kế hoạch giao bia thành phẩm và nhận các vật liệu do các nguyên nhân khách quan.

6.2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A về toàn bộ quá trình sản xuất bia lon Hải Phòng.

6.2.5. Gửi bộ hồ sơ thanh toán cho bên A thành một hoặc nhiều đợt và thanh toán công nợ theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này.

6.2.6. Bảo mật thông tin liên quan đến quy trình công nghệ sản xuất mà Bên A cung cấp cho mình.

6.2.6. Thực hiện trách nhiệm quy định tại các phụ lục của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

7.1. Vi phạm về thương hiệu

Tất cả các hành vi sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu sản phẩm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này đều được coi là vi phạm (trừ trường hợp được sự đồng ý của bên A bằng văn bản). Nếu vi phạm, bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên B phải chấm dứt ngay lập tức hành vi vi phạm khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A;

- Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm nhãn hiệu của mình cho Bên A.

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.

- Bên A có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm nhãn hiệu hoặc khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu tại khoản 7.1, điều này.

7.2. Vi phạm về chất lượng và số lượng

7.2.1. Vi phạm về chất lượng

a. Nếu Bên B sử dụng quy trình công nghệ sản xuất bia lon Hải Phòng hoặc men bia Hải Phòng do bên A chuyển giao để sản xuất bia mang nhãn hiệu khác thì bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;

- Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này;

- Đồng thời, Bên B chịu phạt 8% tính trên giá trị đơn hàng gần nhất.

b. Bên B tự ý thay đổi quy trình công nghệ đã được chuyển giao. Nếu vi phạm, bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên A không nhận lô hàng bên B sản xuất không đúng quy trình công nghệ;

- Tạm dừng sản xuất cho đến khi bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.

- Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này;

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;

c. Bên B sử dụng nguyên liệu, phụ gia không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật do bên A quy định. Nếu vi phạm, bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Nếu việc vi phạm phát hiện trước hoặc trong quá trình sản xuất, hai bên tiến hành lập Biên bản vi phạm và Bên B phải tạm dừng sản xuất cho đến khi bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này; đồng thời, bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này

- Nếu việc vi phạm phát hiện sau khi Bên B đã hoàn thành sản xuất thì Bên A không nhận lô hàng này, Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này và chịu phạt 8% giá trị lô hàng bị vi phạm chất lượng;

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;

d. Bên B làm thất thoát, bảo quản nguyên vật liệu làm hỏng hóc, suy giảm chất lượng hoặc sai lệch số lượng các vật liệu mang nhãn hiệu độc quyền của bên A nhưng không giải trình được nguyên nhân phải bồi thường vật chất gấp 05 lần giá trị khi mua vào.

e. Bên B vi phạm về tần suất kiểm tra, phân tích, lấy mẫu, gửi mẫu bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản xem xét lại việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên.

f. Bên B vi phạm về quy định báo cáo số liệu, bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản và xem xét lại việc thực hiện hợp đồng giữa 2 bên.

g. Nếu để sản phẩm có dị vật ra thị trường gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của bên A thì bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên B có trách nhiệm thu hồi toàn bộ lô hàng và bên A không chấp nhận thanh toán giá trị lô hàng đó đồng thời tạm dừng sản xuất cho đến khi bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.

- Bên B phải chịu toàn bộ tổn thất về vật chất và trách nhiệm pháp lý (nếu có) do việc vi phạm hợp đồng này.

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.

h. Nếu Bên B để sản phẩm đựng trong vỏ hộp không đúng chủng loại đã quy định tại điều 1 ra thị trường gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của bên A thì bên B sẽ lập biên bản và chấp nhận xử lý như ghi trong mục g điều 7.2.1.

7.2.2. Vi phạm về số lượng:

a. Không giao hết 100% số lượng sản phẩm bia lon Hải Phòng được sản xuất theo lô cho bên A mà giữ lại bán ra thị trường hoặc dùng vào mục đích khác. Bên B phải bồi thường gấp 5 lần giá trị phần giữ lại theo giá quy định tại điều 3 của Hợp đồng này. Tái phạm lần thứ 3 sẽ chấm dứt hợp đồng này.

b. Làm sai lệch số liệu giữa số lượng sản phẩm bia lon Hải Phòng sản xuất thực tế và số lượng sản phẩm bia lon Hải Phòng trên sổ sách mà không giải trình được nguyên nhân. Bên B sẽ bị lập biên bản và xem xét lại việc thực hiện hợp đồng giữa 2 bên.

c. Trường hợp bên A không nhận hết số lượng sản phẩm đạt chất lượng đã sản xuất theo đơn hàng quá thời hạn nêu trong mục 6.1.4 thì bên B có quyền yêu cầu bên A trả tiền lưu kho bãi theo đơn giá thỏa thuận tại thời điểm đó, khi bị suy giảm chất lượng không thể giao hàng tiếp được thì bên B có quyền hủy số sản phẩm trên mà bên A phải chịu mọi chi phí từ sản xuất đến tiêu hủy đối với sản phẩm đó.

7.3. Trình tự chịu trách nhiệm vật chất:

- Nhân viên giám sát chất lượng bia Hải Phòng của bên A lập biên bản về việc vi phạm và có xác nhận của bên B hoặc ngược lại bên B lập biên bản đối với vi phạm việc không nhận hàng đúng thời hạn và có xác nhận của bên A.

- Bên A/B gửi thông báo cho bên B/A nêu rõ hình thức, mức bồi thường vật chất và thời hạn thực hiện.

7.4. Thanh toán tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

Việc thanh toán tiền bồi thường được thanh toán vào công nợ và thanh toán bù trừ theo điều 4 Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo đôi bên cùng có lợi. Mọi thay đổi, bổ sung được hai bên thống nhất bằng văn bản và ký xác nhận để làm cơ sở xác lập phụ lục hợp đồng. Không bên nào được tự ý thay đổi các điều khoản của Hợp đồng.

8.2. Trường hợp có tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì mỗi bên có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

8.3. Bên A có quyền đơn phương đình chỉ và/ hoặc chấm dứt hợp đồng nếu bên B không thực hiện đúng hoặc vi phạm (các) điều khoản của hợp đồng và/ hoặc các phụ lục của hợp đồng này, dẫn đến khả năng gây nguy cơ tổn hại đến uy tín thương hiệu hay chất lượng sản phẩm của bên A.

8.4. Khi thanh toán hợp đồng, hai bên phải tiến hành đối chiếu các khoản công nợ có liên quan đến hợp đồng này để làm cơ sở thanh lý hợp đồng không quá 90 ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2024
- Hợp đồng này được lập thành 06 bản, mỗi Bên giữ 03 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01: Thỏa thuận về vấn đề kỹ thuật, chất lượng sản phẩm

(Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc gia công hàng hóa số:

.../2024/BIA HNP-HHP ngày .../.../...)

Điều 1: Trách nhiệm của các bên về đảm bảo chất lượng sản phẩm gia công

1.1. Trách nhiệm của Bên A:

1.1.1. Cung cấp cho Bên B các tài liệu:

- Quy trình và công nghệ sản xuất;
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm Bia lon Hải Phòng
- Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số 50/2016/YTHP-TNCB của Sở Y tế Hải Phòng
- Bản tự công bố tiêu chuẩn sản phẩm số 10/BHN-HP/2022 của Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng.

1.1.2. Giám sát việc tuân thủ quy trình công nghệ trong việc sản xuất sản phẩm Bia lon Hải Phòng tại Bên B.

1.1.3. Cung cấp men giống cho Bên B đủ đáp ứng sản xuất sản phẩm Bia lon Hải Phòng. Giám sát việc sử dụng men, bảo mật men do Bên A cung cấp chỉ phục vụ cho sản xuất Bia lon Hải Phòng; Giám sát toàn bộ men tái sản xuất và men thải tại cơ sở sản xuất của Bên B.

Định kỳ hoặc đột xuất Bên A có quyền lấy mẫu men để sản xuất bia mang thương hiệu riêng của Bên B cũng như mẫu men để sản xuất Bia lon Hải Phòng tại Bên B về để kiểm tra các chỉ tiêu hình thái, sinh hóa hoặc di truyền.

1.1.4. Có quyền đánh giá năng lực sản xuất, điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật; công tác quản lý kỹ thuật, quản lý quy trình công nghệ, quản trị chất lượng sản phẩm tại cơ sở sản xuất và trụ sở của Bên B.

1.1.5. Kiểm tra hoặc chỉ định nơi kiểm tra chất lượng bia thành phẩm và cấp giấy xuất xưởng lô sản phẩm trong vòng 48 giờ từ khi nhận được mẫu lô hàng (trừ ngày lễ).

1.2. Trách nhiệm của Bên B:

1.2.1. Đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng về tình trạng máy móc thiết bị, khả năng kiểm tra thử nghiệm, khả năng kiểm soát chất lượng nước, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và nhân lực để thực hiện quy trình sản xuất sản phẩm Bia lon Hải Phòng.

1.2.2. Tuân thủ nghiêm ngặt việc kiểm soát quá trình sản xuất thông qua việc ghi chép trung thực, đầy đủ, rõ ràng các biểu mẫu kiểm soát quá trình do các chuyên gia của Bên A hướng dẫn và lưu trữ có hệ thống các hồ sơ này để làm bằng chứng cho việc tuân thủ của mình.

1.2.3. Tự đánh giá định kỳ hàng tháng theo hướng dẫn của các chuyên gia Bên A và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá đó. Biên bản tự đánh giá là bằng chứng thể hiện khả năng kiểm soát chất lượng của Bên B.

1.2.4. Tiến hành hủy bỏ men khi thừa men hoặc men đã quá đời sử dụng. Khi hủy bỏ men, Bên B lập biên bản và lưu giữ để làm bằng chứng. Không được sử dụng men có nguồn gốc từ Bên A cung cấp để mua, bán, trao đổi và sử dụng để sản xuất bất kỳ loại bia nào khác.

1.2.5. Sau khi hoàn tất một lô hàng (được giới hạn bằng tổng số lon chiết được từ 01 tank lên men (CT) hoặc số tank được ghép đồng thời) phải gửi ít nhất 06 lon về phòng kiểm nghiệm của Bên A (số 85 Lê Duẩn, phường Quán Trữ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng), bộ mẫu phải đại diện cho lô hàng (đầu lô, giữa lô, cuối lô). Việc gửi mẫu phải tiến hành trong vòng 24 giờ từ khi chiết hết lô hàng (trừ ngày lễ).

1.2.6. Không tiết lộ quy trình công nghệ cho Bên thứ ba. Tuyệt đối bảo mật các tài liệu mà bên A đã cung cấp tại điểm 1.1.1 khoản 1.1 điều 1 của phụ lục này.

1.2.7. Không sử dụng quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm Bia lon Hải Phòng để sản xuất bất kỳ loại bia mang nhãn hiệu nào khác.

1.2.8. Trong quá trình sản xuất sản phẩm Bia lon Hải Phòng nếu gặp sự cố phải thông báo kịp thời cho Bên A để theo dõi hoặc phối hợp xử lý.

1.2.9. Không được sản xuất bia mang nhãn hiệu của Bên thứ ba trong phạm vi nhà máy đang sản xuất Bia lon Hải Phòng nếu không được Bên A đồng ý bằng văn bản.

Điều 2: Trách nhiệm các bên khi sản phẩm không đạt chất lượng

2.1. Sản phẩm không đạt chất lượng

2.1.1. Các trường hợp sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng:

a. Bán thành phẩm không đạt chất lượng: Bia bán thành phẩm trong BBT (bia chờ chiết) nằm ngoài giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn chất lượng của Bên A trong các tài liệu theo Điều 1 khoản 1.1 phụ lục này.

b. Thành phẩm đã chiết ra không đạt chất lượng theo yêu cầu kiểm tra theo các tài liệu tại Điều 1 khoản 1.1 của phụ lục này.

c. Thành phẩm đã xuất bán trên thị trường không được người tiêu dùng chấp nhận vì lý do kém chất lượng hoặc khi kiểm tra trên thị trường không đạt tiêu chuẩn chất lượng mà trạng thái không đạt chất lượng này có nguyên nhân xuất phát trong quá trình sản xuất trước khi Bên A tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ra khỏi kho của Bên B.

2.1.2. Nguyên tắc xử lý:

a. Trường hợp sản phẩm sai lỗi có thể xử lý lại được để đạt chất lượng theo yêu cầu chất lượng sản phẩm của Bên A thì Bên B chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Bên A bằng văn bản.

b. Trường hợp không thể xử lý theo điểm 2.1.2 mục a ở trên thì Bên B chỉ được xử lý với điều kiện:

- Phải được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản.

- Các loại sản phẩm xử lý lại không được sử dụng bất kỳ tên gọi hoặc nhãn hiệu nào có liên quan, tương tự, hoặc mang tính độc quyền nhãn hiệu hàng hóa của Bên A hay có thể gây nhầm lẫn với các sản phẩm của Bên A.

c. Khi Bên B xử lý phải có sự giám sát của Bên A, Bên B lập biên bản xử lý sản phẩm sai lỗi cho từng trường hợp, có xác nhận của Bên A. Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản gửi cho Bên A và 01 bản lưu tại Bên B.

2.2. Trách nhiệm:

2.2.1. Bên A:

a. Tổ chức hướng dẫn Bên B xử lý sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất.

b. Thu hồi sản phẩm sai lỗi như được nêu tại Điều 2, khoản 2.1, điểm 2.1.1, mục c của phụ lục này, tập hợp đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh các chi phí phát sinh nhằm khắc phục những hậu quả do sản phẩm sai lỗi gây ra để chuyển cho Bên B.

2.2.2. Bên B:

a. Phối hợp với Bên A để giải quyết các trường hợp liên quan đến sản phẩm lỗi do Bên B sản xuất.

b. Mẫu kiểm tra thử nghiệm xuất xưởng cũng như mẫu do các chuyên gia của Bên A trực tiếp lấy để kiểm tra các chỉ tiêu khác không được tính vào sản phẩm Bên B bán cho Bên A.

c. Bồi hoàn các chi phí do Bên A chứng minh được ở Điều 2, khoản 2.2, điểm 2.2.1, mục b của phụ lục này.

Điều 3: Điều khoản chung

Phụ Lục hợp đồng số 01 này là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng nguyên tắc gia công hàng hóa số .../2024/BIA HNP-HHP ngày .../.../.... Văn bản này được lập thành 06 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản.

Sau khi tự đọc lại toàn bộ văn bản này, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của việc giao kết văn bản, hai bên hoàn toàn nhất trí với các điều khoản đã thỏa thuận trong văn bản này và cùng tự nguyện ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B